

Số: 495/KH-CDPT

*Phú Thọ, ngày 25 tháng 10 năm 2018*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018**

Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy trình thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở GDNN;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2018;

Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018 cụ thể như sau:

#### **1. Mục tiêu tự đánh giá**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng cơ sở GDNN của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được năm 2017, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu.

#### **2. Công cụ tự đánh giá**

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công văn 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2018;

#### **3. Quy trình tự đánh giá**

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng của các Phòng, Khoa chuyên môn, Trung tâm trực thuộc Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá về Tổng cục GDNN, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.

#### **4. Nhiệm vụ chung**

##### **4.1. Đối với các Phòng, Khoa, ban, đơn vị thuộc trường**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá của đơn vị mình, trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- Đánh giá, xác định mức độ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.
- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của đơn vị, gửi Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường.

##### **4.2. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng của Nhà trường**

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ. Phân công các thành viên trong Hội đồng chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách.
- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị thuộc trường.
- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề. Thu thập, bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).
- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng.
- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của Nhà trường, gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến.
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của Nhà trường.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục GDNN, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đúng thời hạn quy định.

#### **5. Nội dung - Kế hoạch thời gian thực hiện**

| <b>Thời gian</b>        | <b>Các hoạt động</b>                                                                                                                                                     | <b>Phụ trách</b>      |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| Từ 22/10 đến 26/10/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN</li> <li>• Xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm 2018</li> </ul> | Phòng Khảo thí & KĐCL |

| <b>Thời gian</b>        | <b>Các hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Phụ trách</b>                                                                                                                                                                   |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 29/10 đến 02/11/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá. Hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá năm 2018.</li> <li>Các đơn vị thuộc trường xây dựng nội dung, kế hoạch tự đánh giá của đơn vị mình thông qua Hội đồng tự đánh giá (<i>Phụ lục 1</i>).</li> <li>Phổ biến kế hoạch triển khai tự đánh giá và tập huấn KĐCL cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV toàn trường.<br/>(<i>Các đơn vị tự lên kế hoạch và nội dung tập huấn phù hợp với đặc thù của đơn vị mình</i>).</li> </ul>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐ chủ trì</li> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> </ul>                  |
| Từ 03/11 đến 17/11/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các đơn vị tiến hành thực hiện TĐG chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình (<i>Phân công nhiệm vụ từng tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách theo Bảng 2</i>)</li> <li>Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của đơn vị.</li> <li>Họp nghiệm thu cấp đơn vị dự thảo báo cáo tự đánh giá của đơn vị mình (<i>Có thể mời các thành viên Hội đồng kiểm định tới dự</i>)</li> </ul>                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> </ul> |
| Từ 17/11 đến 20/11/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các đơn vị gửi báo cáo (bản cứng và bản mềm) kèm theo hồ sơ minh chứng cho Hội đồng tự đánh giá (qua Ban thư ký) trước ngày <b>20/11/2018</b></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> </ul>                                                                                             |
| Từ 20/11 đến 22/11/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu tổng quan báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của các đơn vị thuộc trường. Góp ý, chỉnh sửa (nếu cần thiết).</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá Nhà trường nghiệm thu báo cáo tự đánh giá của các đơn vị thuộc trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các thành viên Hội đồng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công</li> <li>Chủ tịch HĐ chủ trì</li> </ul>                                 |
| Từ 23/11 đến 25/11/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các đơn vị chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá gửi cho Ban thư ký trước ngày <b>25/11/2018</b> để tổng hợp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trưởng các phòng, khoa, GD trung tâm</li> </ul>                                                                                             |
| Từ 25/11 đến 30/11/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Viết phần I: Giới thiệu tổng quát về Trường; Phần II: Kết quả tự đánh giá.</li> <li>Tiến hành thu thập minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công phụ trách. Mã hóa minh chứng theo quy định.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu, thông qua các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo phần I, phần II</li> <li>Thẩm định Hồ sơ minh chứng thu thập được.</li> </ul> (Thời gian: <b>ngày 30/11/2018</b> tại Phòng họp) </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ban thư ký</li> <li>Các thành viên Hội đồng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công</li> <li>Chủ tịch HĐ chủ trì</li> </ul>             |
| Từ 01/12 đến 05/12/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thu thập thông tin, minh chứng bổ sung</li> <li>Viết phần kết luận, kiến nghị trong báo cáo</li> <li>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá lần 1</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo lần</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các thành viên HĐ</li> <li>Ban thư ký</li> <li>Ban thư ký</li> </ul>                                                                        |

| <b>Thời gian</b>        | <b>Các hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Phụ trách</b>                                                                                                                                |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         | 1 (Thời gian: <b>ngày 05/12/2018</b> tại Phòng họp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | - Chủ tịch HĐ chủ trì                                                                                                                           |
| Từ 05/12 đến 10/12/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá lần 2.</li> <li>• Gửi báo cáo cho các phòng, khoa, đơn vị và các chuyên gia tư vấn để lấy ý kiến góp ý, phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ul>                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban thư ký, các thành viên HĐ</li> <li>- Ban thư ký</li> </ul>                                         |
| Từ 10/12 đến 15/12/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hợp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo lần 2 (Thời gian: <b>ngày 12/12/2018</b> tại Phòng họp)</li> <li>• Hoàn thiện, trình Hiệu trưởng ký duyệt báo cáo tự đánh giá.</li> <li>• Công bố công khai báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường.</li> <li>• Lưu trữ - Nộp báo cáo tự đánh giá cho Tổng cục GDNN, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐ chủ trì</li> <li>- Hội đồng TĐG</li> <li>- Hội đồng TĐG</li> <li>- Hội đồng TĐG</li> </ul> |

(Bảng phân công nhiệm vụ TĐG chi tiết tại Bảng 1 kèm theo)

\* **Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự đánh giá bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục GDNN.

#### **6. Kinh phí đảm bảo**

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường năm 2018, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

#### **Nơi nhận:**

- BGH;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các phòng, khoa, đơn vị;
- Lưu: VT, KT&KĐCL.

**P.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Đã ký)

**Lê Đức Vũ**

**Bảng 1: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 495/KH-CDPT ngày 25/10/2018 của Hiệu trưởng  
Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ)

| TT         | Tiêu chí; tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị thực hiện                | Cán bộ trong HĐ phụ trách tổng hợp theo từng tiêu chí |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                 |                                                       |
| 1.         | 1.1.01; 1.1.02; 1.1.03; 1.1.04; 1.1.05; 1.1.06; 1.1.07; 1.1.11; 1.2.01; 1.2.02; 1.2.03; 1.3.01; 1.3.02; 1.3.03; 1.3.04; 1.4.01; 1.4.02; 1.4.03; 1.4.04; 1.5.01; 1.5.02; 1.5.03; 1.5.04; 1.6.01; 1.6.02; 1.6.03; 1.8.01; 1.9.01; 1.9.02; 1.9.03; 1.9.04; 1.9.05; 1.10.01; 1.10.02; 1.10.03; 1.10.04; 1.10.05; 1.10.06; 1.10.07; 1.10.08; 1.12.04; 1.12.10                                                                            | Phòng TCHC                      | Lê Thị Minh Vượng*<br>Bùi Trung Hiếu                  |
| 2.         | 1.1.08; 1.1.09; 1.1.10; 1.2.04; 1.12.05; 1.5.04; 1.12.07; 1.12.08                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TTTS&GTVL                       |                                                       |
| 3.         | 1.5.04; 1.11.01; 1.11.04; 1.11.05; 1.11.08; 1.11.09; 1.11.10; 1.11.11; 1.11.12; 1.2.03                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế |                                                       |
| 4.         | 1.5.04; 1.6.03; 1.8.02; 1.11.02; 1.11.06                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phòng KT&KĐCL                   |                                                       |
| 5.         | 1.5.04; 1.11.03; 1.11.07; 1.12.01; 1.12.02; 1.12.09; 1.12.10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phòng CT HSSV                   |                                                       |
| 6.         | 1.2.05; 1.5.04; 1.12.03; 1.12.06                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phòng TCKT                      |                                                       |
| 7.         | 1.5.04                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phòng QTĐS                      |                                                       |
| 8.         | 1.5.04                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Các Khoa                        |                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                 |                                                       |
| 1.         | 2.1.01; 2.1.02; 2.1.03; 2.1.04; 2.1.05; 2.3.01; 2.3.05; 2.3.06; 2.4.01; 2.4.02; 2.4.03; 2.4.04; 2.5.01; 2.7.01; 2.7.02; 2.7.03; 2.8.04; 2.8.05; 2.9.03; 2.9.04; 2.10.01; 2.10.02; 2.10.03; 2.10.04; 2.10.05; 2.11.01; 2.11.02; 2.12.02; 2.12.04; 2.13.01; 2.13.04; 2.14.03; 2.14.04; 2.14.05; 2.14.06; 2.14.07; 2.14.08; 2.14.09; 2.14.10; 2.15.01; 2.15.02; 2.16.01; 2.16.02; 2.16.03; 2.16.04; 2.16.05; 2.17.01; 2.17.02; 2.17.03 | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế | Phạm Hồng Hải*<br>Nguyễn Hải Duy                      |
| 2.         | 2.3.02; 2.3.03; 2.3.04; 2.3.07; 2.7.04; 2.7.05; 2.7.06; 2.7.07; 2.13.04; 2.16.05                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TTTS&GTVL                       |                                                       |
| 3.         | 2.12.01; 2.13.02; 2.13.03; 2.14.03; 2.15.01; 2.15.02;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phòng KT&KĐCL                   |                                                       |
| 4.         | 2.5.02; 2.5.03; 2.6.01; 2.7.06; 2.7.07; 2.8.01; 2.8.02; 2.8.03; 2.8.06; 2.9.01; 2.9.02; 2.14.01; 2.14.02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Các Khoa                        |                                                       |
| 5.         | 2.12.03; 2.14.11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phòng CT HSSV                   |                                                       |
| <b>III</b> | <b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                 |                                                       |
| 1.         | 3.1.01; 3.1.02; 3.1.03; 3.2.01; 3.2.02; 3.2.03; 3.2.04; 3.2.05; 3.3.01; 3.3.02; 3.4.01; 3.7.01; 3.7.02; 3.8.06; 3.8.01; 3.8.02; 3.8.03; 3.11.01; 3.11.02; 3.11.03;                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phòng TCHC                      | Nguyễn Thành Công*<br>Lê Thị Minh Vượng               |

| TT         | Tiêu chí; tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị thực hiện                | Cán bộ trong HĐ phụ trách tổng hợp theo từng tiêu chí |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------|
|            | 3.12.01; 3.12.02; 3.13.01; 3.13.02; 3.14.01; 3.14.02; 3.14.03; 3.15.01; 3.15.02; 3.15.03                                                                                                                                                                            |                                 |                                                       |
| 2.         | 3.1.02; 3.2.06; 3.2.07; 3.3.03; 3.3.04; 3.5.01; 3.5.02; 3.5.03; 3.5.04; 3.6.02; 3.7.01; 3.8.01; 3.8.05; 3.10.01; 3.15.02                                                                                                                                            | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế |                                                       |
| 3.         | 3.2.08; 3.5.05; 3.6.01; 3.7.03; 3.8.02; 3.8.03; 3.8.04; 3.9.01; 3.9.02; 3.9.03; 3.15.03                                                                                                                                                                             | Các Khoa                        |                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>                                                                                                                                                                                                                         |                                 |                                                       |
| 1.         | 4.1.01; 4.2.01; 4.2.02; 4.2.03; 4.3.01; 4.4.01; 4.6.01; 4.7.01; 4.7.02; 4.7.03; 4.9.01; 4.10.01; 4.10.02; 4.10.03; 4.11.01; 4.11.02; 4.11.03; 4.12.01; 4.14.01; 4.14.02; 4.14.03; 4.14.04; 4.14.05; 4.14.06; 4.15.01                                                | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế | Phạm Hồng Hải*<br>Trần Xuân Trung<br>Nguyễn Dẫn Thọ   |
| <b>V</b>   | <b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>                                                                                                                                                                                                     |                                 |                                                       |
| 1.         | 5.1.01; 5.1.02; 5.1.03; 5.1.04; 5.1.05; 5.1.06; 5.1.07; 5.2.01; 5.2.02; 5.2.03; 5.2.04; 5.2.05; 5.3.01; 5.4.01; 5.4.02; 5.4.03; 5.4.04; 5.4.05; 5.4.06; 5.4.07; 5.4.08; 5.4.09; 5.5.01; 5.6.03; 5.7.01; 5.9.02; 5.9.03; 5.11.08; 5.12.04; 5.13.01; 5.14.01; 5.14.02 | Phòng QTĐS                      | Nguyễn Chí Kiên*<br>Bùi Quốc Huy                      |
| 2.         | 5.1.07                                                                                                                                                                                                                                                              | Phòng CT HSSV                   |                                                       |
| 3.         | 5.1.08; 5.1.09                                                                                                                                                                                                                                                      | Phòng TCHC                      |                                                       |
| 4.         | 5.5.02; 5.6.02; 5.6.03; 5.7.01; 5.7.02; 5.8.01; 5.8.04; 5.9.01; 5.9.02; 5.11.01; 5.11.02; 5.11.03; 5.11.04; 5.11.05; 5.11.07; 5.11.08; 5.12.05; 5.12.06; 5.12.07; 5.12.08                                                                                           | Các Khoa                        |                                                       |
| 5.         | 5.8.02; 5.8.05; 5.8.06; 5.14.03; 5.14.04; 5.14.05; 5.15.01; 5.15.02; 5.15.03; 5.15.04                                                                                                                                                                               | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế |                                                       |
| 6.         | 5.8.03; 5.9.04; 5.11.06; 5.12.01; 5.12.02; 5.12.03; 5.12.04                                                                                                                                                                                                         | Phòng TCKT                      |                                                       |
| <b>VI</b>  | <b>Tiêu chí 6: NCKH, chuyển giao công nghệ và HTQT</b>                                                                                                                                                                                                              |                                 |                                                       |
| 1.         | 6.1.01; 6.1.02                                                                                                                                                                                                                                                      | Phòng TCHC                      | Hoàng Văn Tiến*<br>Ng. Thị Thúy Liễu                  |
| 2.         | 6.5.01; 6.5.02; 6.5.03                                                                                                                                                                                                                                              | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế |                                                       |
| 3.         | 6.1.03                                                                                                                                                                                                                                                              | Phòng TCKT                      |                                                       |
| 4.         | 6.1.04; 6.1.05                                                                                                                                                                                                                                                      | Các Khoa                        |                                                       |
| 5.         | 6.2.01; 6.2.02; 6.3.01; 6.3.02                                                                                                                                                                                                                                      | Phòng KT&KĐCL                   |                                                       |
| <b>VII</b> | <b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>                                                                                                                                                                                                                                |                                 |                                                       |
| 1.         | 7.1.01; 7.1.02; 7.1.03; 7.1.04; 7.1.05; 7.1.06; 7.1.07; 7.2.01; 7.2.02; 7.2.03; 7.2.04; 7.2.05; 7.2.06; 7.2.07; 7.2.08;                                                                                                                                             | Phòng TCKT                      | Ng. Thị Thu Hiền*                                     |

| TT          | Tiêu chí; tiêu chuẩn                                                                                                           | Đơn vị thực hiện                | Cán bộ trong HĐ phụ trách tổng hợp theo từng tiêu chí |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------|
|             | 7.2.09; 7.2.10; 7.3.01; 7.3.02; 7.3.03; 7.3.04; 7.4.01; 7.4.02; 7.4.03; 7.5.01; 7.5.02; 7.5.03; 7.5.04; 7.5.05; 7.5.06; 7.6.01 |                                 |                                                       |
| 2.          | 7.1.04                                                                                                                         | Các Khoa                        |                                                       |
| <b>VIII</b> | <b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>                                                                                           |                                 |                                                       |
| 1.          | 8.1.01; 8.1.02; 8.2.01; 8.2.02; 8.2.03; 8.2.04; 8.3.01; 8.4.01; 8.4.02; 8.6.01; 8.6.02; 8.6.03; 8.6.04; 8.6.05; 8.6.06; 8.7.01 | Phòng CT HSSV                   | Nguyễn Văn Hùng*<br>Bùi Trung Hiếu                    |
| 2.          | 8.1.02; 8.1.03                                                                                                                 | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế |                                                       |
| 3.          | 8.8.01; 8.8.02; 8.8.03; 8.9.01; 8.9.02                                                                                         | TT TVTS&GTVL                    |                                                       |
| 4.          | 8.5.01; 8.6.07; 8.6.08                                                                                                         | Phòng QTĐS                      |                                                       |
| <b>IX</b>   | <b>Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>                                                                               |                                 |                                                       |
| 1.          | 9.2.01; 9.2.02; 9.2.03; 9.2.04; 9.2.05                                                                                         | Phòng TCHC                      | Lê Đức Minh*<br>Hoàng Phương Thúy                     |
| 2.          | 9.3.01; 9.3.02; 9.3.03; 9.4.01; 9.4.02; 9.4.03; 9.4.04; 9.5.01                                                                 | Phòng KT&KĐCL                   |                                                       |
| 3.          | 9.1.01; 9.1.02; 9.1.03; 9.6.01; 9.6.03; 9.6.04                                                                                 | TT TVTS&GTVL                    |                                                       |
| 4.          | 9.6.02                                                                                                                         | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế |                                                       |

(Dấu \* là cán bộ phụ trách chính)

**Bảng 2: PHÂN CÔNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHỤ TRÁCH THEO CÁC PHÒNG/KHOA/TRUNG TÂM**

| TT | Đơn vị thực hiện                | Tiêu chí;<br>Tiêu chuẩn phụ trách                                                                                                                                                                                               |
|----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phòng Đào tạo & Hợp tác quốc tế | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.5.04; 1.11.01; 1.11.04; 1.11.05; 1.11.08; 1.11.09; 1.11.10; 1.11.11; 1.11.12; 1.2.03<br><u>Tiêu chí 2:</u> 2.1.01; 2.1.02; 2.1.03; 2.1.04; 2.1.05; 2.3.01; 2.3.05; 2.3.06; 2.4.01; 2.4.02; 2.4.03; 2.4.04; |

| TT | Đơn vị thực hiện        | Tiêu chí;<br>Tiêu chuẩn phụ trách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         | 2.5.01; 2.7.01; 2.7.02; 2.7.03; 2.8.04; 2.8.05; 2.9.03;<br>2.9.04; 2.10.01; 2.10.02; 2.10.03; 2.10.04; 2.10.05;<br>2.11.01; 2.11.02; 2.12.02; 2.12.04; 2.13.01; 2.13.04;<br>2.14.03; 2.14.04; 2.14.05; 2.14.06; 2.14.07; 2.14.08;<br>2.14.09; 2.14.10; 2.15.01; 2.15.02; 2.16.01; 2.16.02;<br>2.16.03; 2.16.04; 2.16.05; 2.17.01; 2.17.02; 2.17.03<br><u>Tiêu chí 3:</u> 3.1.02; 3.2.06; 3.2.07; 3.3.03; 3.3.04;<br>3.5.01; 3.5.02; 3.5.03; 3.5.04; 3.6.02; 3.7.01; 3.8.01;<br>3.8.05; 3.10.01; 3.15.02<br><u>Tiêu chí 4:</u> 4.1.01; 4.2.01; 4.2.02; 4.2.03; 4.3.01;<br>4.4.01; 4.6.01; 4.7.01; 4.7.02; 4.7.03; 4.9.01;<br>4.10.01; 4.10.02; 4.10.03; 4.11.01; 4.11.02; 4.11.03;<br>4.12.01; 4.14.01; 4.14.02; 4.14.03; 4.14.04; 4.14.05;<br>4.14.06; 4.15.01<br><u>Tiêu chí 5:</u> 5.8.02; 5.8.05; 5.8.06; 5.14.03; 5.14.04;<br>5.14.05; 5.15.01; 5.15.02; 5.15.03; 5.15.04<br><u>Tiêu chí 6:</u> 6.5.01; 6.5.02; 6.5.03<br><u>Tiêu chí 8:</u> 8.1.02; 8.1.03<br><u>Tiêu chí 9:</u> 9.6.02 |
| 2  | Phòng Tổ chức HC        | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.1.01; 1.1.02; 1.1.03; 1.1.04; 1.1.05;<br>1.1.06; 1.1.07; 1.1.11; 1.2.01; 1.2.02; 1.3.01; 1.3.02;<br>1.3.03; 1.3.04; 1.4.01; 1.4.02; 1.4.03; 1.4.04; 1.5.01;<br>1.5.02; 1.5.03; 1.5.04; 1.6.01; 1.6.02; 1.6.03; 1.8.01;<br>1.9.01; 1.9.02; 1.9.03; 1.9.04; 1.9.05; 1.10.01;<br>1.10.02; 1.10.03; 1.10.04; 1.10.05; 1.10.06; 1.10.07;<br>1.10.08; 1.12.04; 1.12.10<br><u>Tiêu chí 3:</u> 3.1.01; 3.1.02; 3.1.03; 3.2.01; 3.2.02;<br>3.2.03; 3.2.04; 3.2.05; 3.3.01; 3.3.02; 3.4.01; 3.7.01;<br>3.7.02; 3.8.06; 3.8.01; 3.8.02; 3.8.03; 3.11.01;<br>3.11.02; 3.11.03; 3.12.01; 3.12.02; 3.13.01; 3.13.02;<br>3.14.01; 3.14.02; 3.14.03; 3.15.01; 3.15.02; 3.15.03<br><u>Tiêu chí 5:</u> 5.1.08; 5.1.09<br><u>Tiêu chí 6:</u> 6.1.01; 6.1.02<br><u>Tiêu chí 9:</u> 9.2.01; 9.2.02; 9.2.03; 9.2.04; 9.2.05                                                                                                                                                                   |
| 3  | Phòng Quản trị đời sống | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.5.04<br><u>Tiêu chí 5:</u> 5.1.01; 5.1.02; 5.1.03; 5.1.04; 5.1.05;<br>5.1.06; 5.1.07; 5.2.01; 5.2.02; 5.2.03; 5.2.04; 5.2.05;<br>5.3.01; 5.4.01; 5.4.02; 5.4.03; 5.4.04; 5.4.05; 5.4.06;<br>5.4.07; 5.4.08; 5.4.09; 5.5.01; 5.6.03; 5.7.01; 5.9.02;<br>5.9.03; 5.11.08; 5.12.04; 5.13.01; 5.14.01; 5.14.02<br><u>Tiêu chí 8:</u> 8.5.01; 8.6.07; 8.6.08                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 4  | Phòng Tài chính kế toán | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.2.05; 1.5.04; 1.12.03; 1.12.06<br><u>Tiêu chí 5:</u> 5.8.03; 5.9.04; 5.11.06; 5.12.01; 5.12.02;<br>5.12.03; 5.12.04<br><u>Tiêu chí 6:</u> 6.1.03<br><u>Tiêu chí 7:</u> 7.1.01; 7.1.02; 7.1.03; 7.1.04; 7.1.05;<br>7.1.06; 7.1.07; 7.2.01; 7.2.02; 7.2.03; 7.2.04; 7.2.05;<br>7.2.06; 7.2.07; 7.2.08; 7.2.09; 7.2.10; 7.3.01; 7.3.02;<br>7.3.03; 7.3.04; 7.4.01; 7.4.02; 7.4.03; 7.5.01; 7.5.02;<br>7.5.03; 7.5.04; 7.5.05; 7.5.06; 7.6.01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| TT | Đơn vị thực hiện                            | Tiêu chí;<br>Tiêu chuẩn phụ trách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Phòng Công tác HSSV                         | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.5.04; 1.11.03; 1.11.07; 1.12.01; 1.12.02; 1.12.09; 1.12.10<br><u>Tiêu chí 2:</u> 2.12.03; 2.14.11<br><u>Tiêu chí 5:</u> 5.1.07<br><u>Tiêu chí 8:</u> 8.1.01; 8.1.02; 8.2.01; 8.2.02; 8.2.03; 8.2.04; 8.3.01; 8.4.01; 8.4.02; 8.6.01; 8.6.02; 8.6.03; 8.6.04; 8.6.05; 8.6.06; 8.7.01                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6  | Trung tâm Tuyển sinh và giới thiệu việc làm | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.1.08; 1.1.09; 1.1.10; 1.2.04; 1.12.05; 1.5.04; 1.12.07; 1.12.08<br><u>Tiêu chí 2:</u> 2.3.02; 2.3.03; 2.3.04; 2.3.07; 2.7.04; 2.7.05; 2.7.06; 2.7.07; 2.13.04; 2.16.05<br><u>Tiêu chí 8:</u> 8.8.01; 8.8.02; 8.8.03; 8.9.01; 8.9.02<br><u>Tiêu chí 9:</u> 9.1.01; 9.1.02; 9.1.03; 9.6.01; 9.6.03; 9.6.04                                                                                                                                                                                                            |
| 7  | Các Khoa                                    | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.5.04<br><u>Tiêu chí 2:</u> 2.5.02; 2.5.03; 2.6.01; 2.7.06; 2.7.07; 2.8.01; 2.8.02; 2.8.03; 2.8.06; 2.9.01; 2.9.02; 2.14.01; 2.14.02<br><u>Tiêu chí 3:</u> 3.2.08; 3.5.05; 3.6.01; 3.7.03; 3.8.02; 3.8.03; 3.8.04; 3.9.01; 3.9.02; 3.9.03; 3.15.03<br><u>Tiêu chí 5:</u> 5.5.02; 5.6.02; 5.6.03; 5.7.01; 5.7.02; 5.8.01; 5.8.04; 5.9.01; 5.9.02; 5.11.01; 5.11.02; 5.11.03; 5.11.04; 5.11.05; 5.11.07; 5.11.08; 5.12.05; 5.12.06; 5.12.07; 5.12.08<br><u>Tiêu chí 6:</u> 6.1.04; 6.1.05<br><u>Tiêu chí 7:</u> 7.1.04 |
| 8  | Phòng KT&KĐCL                               | <u>Tiêu chí 1:</u> 1.5.04; 1.6.03; 1.8.02; 1.11.02; 1.11.06<br><u>Tiêu chí 2:</u> 2.12.01; 2.13.02; 2.13.03; 2.14.03; 2.15.01; 2.15.02;<br><u>Tiêu chí 6:</u> 6.2.01; 6.2.02; 6.3.01; 6.3.02<br><u>Tiêu chí 9:</u> 9.3.01; 9.3.02; 9.3.03; 9.4.01; 9.4.02; 9.4.03; 9.4.04; 9.5.01                                                                                                                                                                                                                                                        |